

Bản án số: 265/2025/DS-PT

Ngày: 09-7-2025.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lương Quang.

Các Thẩm phán: ông Ngô Chậu và bà Vũ Ngọc Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Trương Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* ông Phan Văn Công - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk cơ sở 2 (E L, phường T, tỉnh Đắk Lắk) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 08/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 - Đắk Lắk), bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXPT- DS ngày 12 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Chu Thanh B, sinh năm 1974; Địa chỉ: G T, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khu phố T, xã S, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. *Người kháng cáo:* bị đơn – ông Nguyễn Văn B1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn Chu Thanh B trình bày: Do quen biết nên vào ngày 27/01/2022 ông Chu Thanh B có cho ông Nguyễn Văn B1 vay số tiền 280.000.000đ và hai bên thỏa thuận ông Nguyễn Văn B1 sẽ trả số tiền này sau 01 tháng kể từ ngày vay. Việc vay tiền có làm giấy viết tay ghi nhận giữa 02 bên và ông Nguyễn Văn B1 có ký vào giấy mượn tiền. Sau đó ông Chu Thanh B đã nhiều lần đòi

nợ nhưng ông Nguyễn Văn B1 mới trả được số tiền 10.000.000đ vào ngày 10/9/2023 và trả số tiền 15.000.000đ vào ngày 15/9/2023.

Đến nay đã quá thời hạn cam kết trả nợ giữa 02 bên nhưng ông Nguyễn Văn B1 vẫn chưa trả hết nợ vay cho ông Chu Thanh B và còn nợ lại 255.000.000đ. Do đó ông Chu Thanh B yêu cầu ông Nguyễn Văn B1 phải trả số tiền còn nợ lại 255.000.000đ.

** Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn B1 trình bày:* vào ngày 27/01/2022 ông Nguyễn Văn B1 có vay ông Chu Thanh B, địa chỉ: G T, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên số tiền 280.000.000đ (*hai trăm tám mươi triệu đồng*) và thỏa thuận sẽ trả số tiền này sau 01 tháng kể từ ngày vay. Việc vay mượn có làm giấy viết tay ghi nhận sự việc giữa 02 bên và các bên có ký vào giấy mượn tiền; việc vay mượn hai bên không có thỏa thuận lãi. Tuy nhiên hoàn cảnh phát sinh khó khăn do đó ông Nguyễn Văn B1 không thực hiện đúng thỏa thuận về thời gian trả nợ vay mượn. Về số tiền đã vay bị đơn đã trả bằng cách chuyển khoản qua từ tài khoản ngân hàng S của bị đơn số 040038922469 sang tài khoản Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của ông Chu Thanh B, số tài khoản 4600215058958 với số tiền và mốc thời gian trả như sau: Trả 140.000.000đ vào ngày 29/8/2022; trả 10.000.000đ vào ngày 14/11/2022; trả 3.000.000đ vào ngày 22/11/2022; trả 15.000.000đ vào ngày 15/9/2023; trả 10.000.000đ vào ngày 10/9/2023; trả 5.000.000đ vào ngày 31/10/2023; trả 5.000.000đ vào ngày 01/3/2024. Tổng cộng bị đơn đã trả cho ông Chu Thanh B 188.000.000đ còn nợ lại 92.000.000đ.

Với yêu cầu khởi kiện của ông Chu Thanh B, ông Nguyễn Văn B1 đề nghị sẽ trả số nợ còn lại 92.000.000đ (*chín mươi hai triệu đồng*) và đề nghị được trả dần do hiện tại không đủ khả năng trả 01 lần.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định ông Nguyễn Văn B1 mới trả được số tiền 10.000.000đ vào ngày 10/9/2023 và trả số tiền 15.000.000đ vào ngày 15/09/2023. Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn B1 phải trả một lần số tiền còn nợ là 255.000.000đ chứ không đồng ý bị đơn trả làm nhiều lần.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 08/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa đã quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn B1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Chu Thanh B số tiền nợ 255.000.000đ (*hai trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/5/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn B1 có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chỉ buộc bị đơn trả số tiền còn nợ lại là 105.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn chỉ kháng cáo khoản tiền 140.000.000đ trả bằng tiền mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn xác định lại số tiền bị đơn còn nợ là 245.000.000đ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm đối với số tiền nợ buộc bị đơn trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn B1 thừa nhận có nợ nguyên đơn ông Chu Thanh B số tiền 280.000.000đ. Tại đơn kháng cáo bị đơn ông Nguyễn Văn B1 cho rằng đã thanh toán 175.000.000đ, chỉ còn nợ nguyên đơn ông B1 105.000.000đ. Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn xác định bị đơn đã trả được số tiền 10.000.000đ vào ngày 10/9/2023 và trả số tiền 15.000.000đ vào ngày 15/9/2023. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn xác định lại số tiền 15.000.000đ là được nhận vào ngày 05/9/2023, chứ không phải ngày 15/9/2023 như trình bày tại phiên tòa sơ thẩm. Ngoài ra, nguyên đơn còn thừa nhận có nhận của bị đơn số tiền 10.000.000đ vào ngày 14/11/2022 và không nhận được số tiền mặt 140.000.000đ như bị đơn trình bày. Như vậy, nguyên đơn xác định bị đơn đã trả được số tiền 35.000.000đ, hiện còn nợ 245.000.000đ. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Văn B1 kháng cáo cho rằng có trả tiền mặt cho ông Chu Thanh B 140.000.000đ, nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền trên.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn B1, sửa bản án sơ thẩm đối với số tiền buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn là 245.000.000đ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 245.000.000đ là 12.250.000đ ($245.000.000đ \times 5\% = 12.250.000đ$).

[4] Về án phí phúc thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn B1. Sửa bản án sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 08/4/2025 của Toà án nhân dân huyện Sơn Hòa đối với số tiền nợ phải trả.

Căn cứ vào các Điều 4 63, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn B1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Chu Thanh B số tiền nợ 245.000.000đ (*Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn B1 phải chịu 12.250.000đ, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại Biên lai số 0004111 ngày 22/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Hoàn trả cho ông Chu Thanh B số tiền tạm ứng án phí 7.000.000đ theo Biên lai số 0003971 ngày 07/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

*** Nơi nhận:**

- TAND CC Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh (2);
- TAND khu vực 15 – Đắk Lắk (2);
- THADS khu vực (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lương Quang

